

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS - ST

Ngày: 05-3-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Xuân Ban

+ Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/2020/TB-TA ngày 12 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1960; tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 1/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Đỗ Thị H (cả hai đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1965, bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn Đ; sinh năm 1987; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc D1 và bà Nguyễn Thị Ph; Vợ: Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1994, bị cáo có 01 người con 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn A; sinh năm 1986; tại Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Đinh Thị T2, sinh năm: 1987, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Luật sư Nguyễn T3 – Văn phòng luật sư Lê Thị Tuyết Nh, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Nguyễn Văn L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Nguyễn Văn T4, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Vũ Văn D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Nguyễn Văn A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Cậy, sinh năm 1965. Có mặt.

+ Anh Phạm Văn B, sinh năm 1990. Vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị T5, sinh năm 1987. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1993. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1973. Có mặt.

+ Anh Đặng Đình Q1, sinh năm 1987. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20/04/2018, Vũ Văn D đi xe mô tô hiệu Dream đến nhà hàng xóm là Nguyễn Văn A ở thôn Đ, xã H, huyện L chơi. D dựng xe ngoài cổng rồi đi vào nhà A ngồi chơi.

Khoảng 15 phút sau D đi ra lấy xe để đi về thì phát hiện xe bị mất. Sau đó A và D chia nhau đi tìm và hỏi thăm nhà người dân xung quanh xem có thấy ai lấy xe của D hay không. A đi xuống nhà Nguyễn Văn T4 cùng thôn với A (sát với nhà D) để hỏi thăm về việc bị mất xe thì giữa A và vợ chồng T xảy ra cãi vã do vợ chồng T nghĩ A nghi cho T lấy xe của D. Sau đó A bỏ về nhà cầm theo một tờ giấy xuống nhà T, trong giấy viết nội dung gì thì vợ chồng T không biết. D thấy cãi nhau ở dưới nhà T nên sang nói A về thì A đi về nhà D ngồi nói chuyện ở ngoài hiên nhà. Lúc xảy ra cãi nhau vợ của T là Nguyễn Thị H gọi điện cho anh trai của T là Nguyễn Văn Đ cũng ở thôn Đ, xã H, huyện L đến, lúc này Đ đang ở nhà và sử dụng 01 cây kéo để cắt móng tay (loại kéo cắt tóc màu đen) kích thước dài 10cm rộng 1cm đầu nhọn bỏ vào túi quần rồi nói con trai là Nguyễn Văn L chở sang nhà T. Khi đến nhà T, nghe T kể lại sự việc thì Đ đi bộ từ nhà T đến đoạn đường đất trước cổng nhà D chửi A và D. Thấy vậy A và D trong nhà đi ra, hai bên xảy ra chửi nhau qua lại. Khi Đ gặp A thì Đ nói “Tại sao chúng mày đổ cho thằng T lấy trộm xe máy” thì A nói “ Tao thích thì tao đổ”. Đ nói tiếp “ nhà chúng mày mất cái gì cũng đổ cho nó à” thì A nói “ừ”. Đ nói “Thế vợ chúng mày đi ngủ với thằng khác thì cũng đổ cho thằng T à” thì A lặng im không nói gì. D thì nói theo “ Ông lớn mà nói năng thô tục như thế à”. A và Đ sắp đến định đánh nhau thì được mọi người can ngăn đẩy A và D đi lên phía trên đường. Lúc này Đ càng chửi to và thô tục nên A bức xúc vùng ra khỏi mọi người can ngăn chạy ra hàng rào lấy 01 cây gậy vông dài 01 mét đường kính 04cm lao về phía Đ và L đang đứng gần nhau. D cũng lấy 01 cây gậy vông dài 01 mét, đường kính 04cm ở hàng rào chỗ A vừa lấy rồi chạy theo A. A lao đến vụt gậy về phía Đ và trúng vào tay trái của Đ. T thấy vậy có cầm 01 cây gậy dài khoảng 1,5 mét, đường kính khoảng 5cm lao về phía A. A thấy T lao về phía mình thì cầm gậy vông định bỏ chạy thì bị Đ đứng ngang người A cầm cây kéo đâm trúng vào **ngực trái**, dưới hõm nách của A thì A bỏ chạy về nhà D sau đó được anh Q1 là hàng xóm chở đi bệnh viện cấp cứu. Trong khi đó, D lao vào đánh nhau với L, L cũng cầm gậy và hai bên đánh nhau qua lại. L lùi lại vào bãi đất trống nhà T thì bị D đánh trúng 01 cái vào vùng đầu làm L bị ngã xuống đất. D tiếp tục cầm gậy đánh về phía L 2 đến 3 cái trúng vào người L thì được anh Phạm Văn B là hàng xóm chạy vào can ngăn đẩy D ra. Đ cầm kéo đâm 01 cái trúng vào vùng hông bên trái của D. D thấy nhói ở hông liền quay mặt lại thì thấy Đ đang ở phía sau chạy đi. D sờ tay xuống hông thì thấy chảy máu. Sau đó T cầm gậy chạy đến vụt 01 cái trúng vào vùng mặt của D làm D bị bầm tím ở mắt làm D khụy gối xuống. Lúc này D cũng nhặt gậy vụt trúng vào đầu của T làm T bị thương tích ở vùng đầu. Sau đó mọi người vào can ngăn ra và đưa D đi bệnh viện cấp cứu. T, L, Đ cũng được người nhà đưa đi Bệnh viện để điều trị.

Hậu Quả:

+ Vũ Văn D bị thương tích ở vùng hông trái do bị Nguyễn Văn Đ dùng kéo đâm và bị thương tích bầm tím vùng mắt phải do bị Nguyễn Văn T4 dùng gậy vọt trúng.

+ Nguyễn Văn A bị thương tích ở vùng ngực trái, khu vực dưới hõm nách do bị Nguyễn Văn Đ dùng kéo đâm.

+ Nguyễn Văn Đ bị thương tích gãy xương trụ tay trái do Nguyễn Văn A dùng gậy đánh trúng.

+ Nguyễn Văn L bị thương tích vùng đầu do Vũ Văn D dùng gậy đánh trúng.

+ Nguyễn Văn T4 bị thương tích vùng đầu do Vũ Văn D dùng gậy đánh trúng.

Ngày 07/09/2018, Trung tâm pháp y Lâm Đồng đã tiến hành giám định tỷ lệ thương tích đối với Vũ Văn D và kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Vũ Văn D là 52%. Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên.

Ngày 07/09/2018, Trung tâm pháp y Lâm Đồng đã tiến hành giám định tỷ lệ thương tích đối với Nguyễn Văn A và kết luận: : Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn A là 08%. Tổn thương do vật sắc nhọn gây nên.

Ngày 07/09/2018, Trung tâm pháp y Lâm Đồng đã tiến hành giám định tỷ lệ thương tích đối với Nguyễn Văn Đ và kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn Đ là 10%. Tổn thương do vật tày tác động trực tiếp.

Ngày 07/09/2018, Trung tâm pháp y Lâm Đồng đã tiến hành giám định tỷ lệ thương tích đối với Nguyễn Văn L và kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn L là 08%. Tổn thương do vật tày tác động trực tiếp.

Ngày 07/09/2018, Trung tâm pháp y Lâm Đồng đã tiến hành giám định tỷ lệ thương tích đối với Nguyễn Văn T4 và kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn T4 là 08%. Tổn thương do vật tày gây nên.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 08/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử bị can Nguyễn Văn Đ về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Bị can Vũ Văn D, Nguyễn Văn A về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà thực hành quyền công tố luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Văn A về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 đến 04 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho nhau theo quy định của pháp luật. Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo, 02 gậy vông và 02 chiếc dép tông. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư Nguyễn T3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ không nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố, kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Luật sư cho rằng, cáo trạng truy tố bị cáo chưa có cơ sở vững chắc, thiếu khách quan vì hành vi gây thương tích cho A, D của bị cáo Đ là trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do có lỗi của bị cáo D và bị cáo A. Cụ thể bị cáo A đã có hành vi tấn công gây thương tích cho bị cáo Đ trước nên bị cáo Đ mới có hành vi cầm kéo đâm A để chống trả lại A. Đối với bị cáo D đã có hành vi đánh anh T, anh L, khi anh L đã gục xuống bị cáo D vẫn tiếp tục dùng gậy đánh anh L khiến cho bị cáo Đ lo sợ D sẽ đánh chết anh L nên bị cáo Đ phát sinh tâm lý phần uất, không kiềm chế được hành vi của mình nên mới dùng kéo đâm D. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự chứ không phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời, luật sư cho rằng quá trình tiến hành thực nghiệm điều tra vụ án Cơ quan điều tra đã vi phạm tố tụng không cho các bị cáo diễn lại hành vi gây thương tích cho nhau.

Bị cáo Đ cho rằng không dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm phía bị cáo D, A mà khi bị cáo cùng anh T, L lên cổng nhà bị cáo A chỉ gọi bị cáo A xuống để hỏi chuyện nhưng phía bị cáo A, D có thái độ không đúng mực với bị cáo nên bị cáo mới nói xúc phạm một câu “thế vợ mày ngủ với thằng khác mày cũng đòi cho thằng T à” sau đó bị cáo cùng anh T, anh L đi về. Khi đã đi vào trong phần

đất nhà anh T thì bị cáo A lao đến tấn công bị cáo thì bị cáo mới rút kéo từ trong túi quần ra đâm về phía bị cáo A, sau đó thấy D đánh L làm L gục xuống nhưng D vẫn tiếp tục đánh L, do sợ D đánh L chết nên bị cáo đã dùng kéo đâm về phía D. Đồng thời, bị cáo Đ còn cho rằng việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích là không đúng.

Còn bị cáo A, D khẳng định bị cáo Đ đã dùng nhiều lời lẽ thô tục, thiếu tế nhị xúc phạm vợ bị cáo A, xúc phạm bị cáo A, D và bị cáo Đ có hành vi đập tay vào tay chị T5 là vợ bị cáo A trước nên các bị cáo mới xông lên đánh nhau với phía bị cáo Đ.

Bị hại anh L có ý kiến cho rằng anh không cầm gậy đánh nhau với bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Riêng luật sư Tuất cho rằng khi tiến hành thực nghiệm điều tra Cơ quan điều tra không cho các bị cáo diễn lại hành vi gây thương tích cho nhau là vi phạm thủ tục tố tụng thì Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận quá trình thực nghiệm điều tra Cơ quan điều tra có cho các bị cáo diễn lại hành vi, đồng thời cơ quan điều tra đã bổ sung các bản ảnh thể hiện việc các bị cáo diễn lại hành vi và việc này đã được thể hiện trong Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 05/9/2019 nên việc thực nghiệm điều tra của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà đã thực hiện hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 204 Bộ luật tố tụng Hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào ngày 20/4/2018 bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi dùng kéo đâm gây thương tích cho Vũ Văn D là 52%, gây thương tích cho Nguyễn Văn A là 08%. Bị cáo Vũ Văn D có hành vi cầm gậy đánh gây thương tích cho anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T4 mỗi người 08%; Bị cáo Nguyễn Văn A có hành vi dùng gậy đánh gây thương tích cho Nguyễn Văn Đ là 08%.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ việc bị cáo D bị mất xe máy khi để ở cổng nhà bị cáo A nên A đã xuống nhà anh T hỏi việc mất xe thì giữa anh T và bị cáo A có to tiếng với nhau nên vợ anh T là Nguyễn Thị H gọi điện thoại cho

bị cáo Đ với nội dung Nguyễn Văn A đến nhà anh T là em trai bị cáo nghi cho anh T lấy trộm xe máy thì bị cáo Đ đã cầm theo một cây kéo và nói con trai là Nguyễn Văn L chở sang nhà anh T. Khi đến nơi lẽ ra bị cáo Đ là người lớn tuổi nhất bị cáo phải hỏi chuyện cụ thể xem sự việc như thế nào nhưng bị cáo lại dẫn T và L đi lên cổng nhà bị cáo A dùng những lời lẽ thô tục, không có văn hóa đề xúc phạm bị cáo A, D dẫn đến việc cãi nhau qua lại giữa hai bên. Mặc dù đã được mọi người can ngăn nhưng bị cáo Đ không những không dừng lại mà tiếp tục chửi xúc phạm phía các bị cáo D, A thô tục hơn. Khi đó chị T5 là vợ bị cáo A cũng ra can ngăn thì bị cáo Đ đã dùng tay đập vào tay chị T5 nên bị cáo A đã vùng ra khỏi chỗ mọi người can ngăn ra hàng rào cạnh đó lấy 01 gậy vông vút vào tay trái của bị cáo Đ, anh T thấy vậy cầm gậy lao về phía bị cáo A thì A bỏ chạy, bị cáo Đ lập tức dùng kéo có sẵn trong người đâm vào vùng dưới hõm nách bên trái của bị cáo A. Khi đó bị cáo D và anh L cũng lao vào đánh nhau, sau khi đâm bị cáo A thì bị cáo Đ tiếp tục lao vào đâm một cái trúng vào vùng hông bên trái của D. Theo diễn biến sự việc xảy ra được thể hiện trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại phiên tòa thì thấy rằng bị cáo Đ đã có sự chuẩn bị về hung khí trước khi đến cổng nhà A. Xét về lực lượng giữa hai bên khi đó không tương xứng nhau, phía bên bị cáo Đ có ba người gồm bị cáo Đ, anh L và anh T nhiều hơn phía bị cáo D, An một người. Xét về hung khí thì cả bị cáo D và An đều chỉ cầm gậy vông còn bên bị cáo Đ thì anh T, anh L cầm gậy, bị cáo Đ cầm kéo. Như vậy, rõ ràng bên bị cáo Đ có kéo là hung khí nguy hiểm hơn bên bị cáo D, A. Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ cho rằng bị cáo Đ phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nhưng thực tế khi đó giữa hai bên đã xảy ra sự việc cãi vã, bị cáo Đ đã có những lời lẽ thô tục xúc phạm phía bị cáo A, D đồng thời bị cáo Đ khi được can ngăn thì đã có hành vi đập vào tay chị T5 là vợ của bị cáo A trước nên đã khiến cho bị cáo A không kiềm chế được bản thân đã gây ra thương tích cho bị cáo Đ như đã nêu ở trên, sau đó mới xảy ra sự việc xô xát giữa hai bên thì anh T, anh L cũng cầm gậy đánh nhau với D, A. Đồng thời, khi đó phía bên bị cáo Đ không ở thế yếu hơn vì có ba người, bên bị cáo A, D chỉ có hai người nên việc bị cáo Đ sử dụng kéo gây thương tích cho bị cáo D, An là có ý chứ bị cáo Đ không hề bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của bị cáo D, A. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Luật sư cho rằng bị cáo Đ phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và không có căn cứ tuyên bố bị cáo Đ phạm tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, mâu thuẫn với lời khai của bị cáo A, D và những người làm chứng, bị cáo cho rằng bị cáo không xúc phạm, không chửi phía bị cáo D – A mà bị cáo chỉ hỏi chuyện với

một thái độ rất bình tĩnh, nhẹ nhàng. Tuy nhiên, bị cáo Đ xác định quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, không bị dùng nhục hình, việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, sau khi kết thúc việc lấy lời khai bị cáo đều được cán bộ điều tra đọc lại cho nghe xác nhận đúng nội dung sau đó bị cáo mới ký tên hoặc điểm chỉ. Tại cơ quan điều tra bị cáo Đ đều khai có việc bị cáo cãi nhau qua lại và xúc phạm phía bị cáo D- A, cụ thể: tại bút lục 32 “... *Lúc này giữa tôi và T, L với An- D có chửi nhau qua lại*”, tại bút lục 33 “... *tôi đứng ở dưới đường chửi lại, hai bên có chửi nhau qua lại*”, tại bút lục 36: “*tôi và An xảy ra chửi nhau to tiếng qua lại lúc đó tôi vẫn chửi An về việc An đòi cho T lấy trộm xe ... vợ mày ngủ với thằng khác mày cũng đòi cho thằng T à ...*”. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định, trước khi xảy ra xô xát thì giữa hai bên đã xảy ra cãi vã, việc bị cáo Đ dùng lời lẽ thô tục xúc phạm phía bị cáo D, A là đúng sự thật. Bị cáo Đ cho rằng khi bị cáo cầm kéo gây thương tích cho bị cáo D, A là do các bị cáo D, An đánh em trai và con trai của bị cáo và tư thế đứng gây thương tích là đối diện với D, A là cũng không trùng khớp với lời khai của các bị cáo D, A và một số người làm chứng. Mặc dù bị cáo Đ và các bị cáo D, An khai mâu thuẫn nhau về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ, mâu thuẫn về tư thế gây thương tích nhưng trong lời khai của bị cáo Đ tại cơ quan điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ đều xác định chiếc kéo trên tay bị cáo là hung khí đã gây ra thương tích cho bị cáo A, D. Việc bị cáo chuẩn bị kéo là hung khí nguy hiểm trước khi xảy ra xô xát là có thật, việc xô xát giữa nhóm bên bị cáo và nhóm bên bị cáo A, D là có thật, bị cáo đã dùng lực tác động lên chiếc kéo đang cầm trong tay đâm vào bị cáo A, D nên đã gây ra thương tích ở vùng dưới hõm nách bên trái cho bị cáo A là 8%, gây ra thương tích ở phần hông – lưng trái cho bị cáo D là 52%. Kéo là hung khí nguy hiểm, khi bị cáo sử dụng kéo đâm A, D bị cáo phải ý thức được tính chất nguy hiểm của hung khí và mong muốn hậu quả xảy ra.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đ được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường kỷ cương pháp luật, đồng thời tác động xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Đối với bị cáo A, D khi nghe bị cáo Đ dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến mình thì lẽ ra các bị cáo là người trẻ tuổi hơn và đều là hàng xóm của nhau các bị cáo phải bình tĩnh xử lý tình huống để giữ gìn đoàn kết nhưng các bị cáo

đã chọn cách vùng ra khỏi người đang can ngăn, bị cáo A đã sử dụng gậy vông vụt trúng vào tay trái của bị cáo Đ là người lớn tuổi hơn bị cáo gây ra thương tích 10% cho bị cáo Đ; Bị cáo D thấy như vậy cũng không can ngăn mà lại dùng gậy vông lao vào đánh nhau với anh L, anh T; hai bên đã có hành vi đánh nhau qua lại và trong quá trình đánh nhau với anh L bị cáo D đã đánh trúng vào đầu gây ra thương tích cho anh L là 8%, khi anh T dùng gậy vụt vào mặt của bị cáo D thì bị cáo D đã dùng gậy vụt trúng vào đầu của anh T gây ra thương tích cho anh T là 8%.

Xét hành vi của các bị cáo D, A là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ khi hỏi việc mất xe nhưng do thái độ ứng xử không có văn hóa trong giao tiếp giữa hai bên nên sau đó mặc dù đã được can ngăn nhưng hai bị cáo đã dùng hung khí là gậy lao vào đánh nhau với nhóm bị cáo Đ. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo lắng, mất đoàn kết trong nội bộ quần chúng nhân dân, đồng thời tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, bị cáo D, bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Xét vai trò, tính chất, mức độ của các bị cáo trong vụ án này thì bị cáo A, D phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên bị cáo A có hành vi gây thương tích cho một người còn bị cáo D có hành vi gây thương tích cho hai người. Vì vậy, bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo A là phù hợp.

Xét nhân thân các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện nộp tiền vào tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà để bồi thường khắc phục hậu quả cho nhau. Bị cáo Đ tình trạng sức khỏe không tốt, bị bệnh viêm phổi mãn tính thường xuyên phải sử dụng thuốc để điều trị theo chỉ định của bác sỹ, bị cáo D – A con đều còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo A, D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ.

Bị cáo Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó cần xử lý bị cáo với mức hình phạt dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đối với các bị cáo là có cơ sở. Xét thấy, các bị cáo

D – A có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự và các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, để tạo cơ hội cho các bị cáo có điều kiện tiếp tục lao động chăm lo cho gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo D – A ra khỏi xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình.

Đối với anh Nguyễn Văn T4 có hành vi dùng gậy đánh vào vùng mí mắt bên phải của Vũ Văn D nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Vũ Văn D không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Bị hại anh **Nguyễn Văn L** có đơn yêu cầu bị cáo D bồi thường chi phí điều trị thương tích là 18.989.000đồng (bút lục 222), tổn thất tinh thần là 90.250.000đồng, tổng cộng là 109.239.000đồng.

Bị hại anh **Nguyễn Văn T4** có đơn yêu cầu bị cáo D bồi thường chi phí điều trị thương tích là 17.178.000đồng (bút lục 221), tổn thất tinh thần là 90.250.000đồng, tổng cộng là 107.428.000đồng.

Tại phiên tòa anh L, anh T xác định yêu cầu bị cáo D bồi thường theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy do tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh L và anh T đều là 8% nên bị cáo D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh L, anh T mỗi người các khoản cụ thể như sau:

- Tiền xe cấp cứu từ Đình Văn đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng 500.000 đồng; Tiền xe từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng về lại nhà tại xã H tính theo giá xe buýt (02 người) là 100.000đồng; Tiền thuốc theo hóa đơn (tính trung bình của 2 hóa đơn) 2.234.000đồng; Tiền công lao động trong thời gian nằm viện 04 ngày (tính theo công lao động trung bình tại địa phương tại thời điểm xảy ra vụ việc là 250.000đồng/ 1 ngày và sau khi trừ chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày): 200.000đồng/ 1 ngày x 4 ngày = 800.000đồng; Tiền công người chăm sóc trong thời gian nằm viện 04 ngày 200.000đồng x 4 ngày = 800.000đồng; Tiền bồi dưỡng trong thời gian nằm viện 400.000đồng; Tiền công lao động trong thời gian chờ phục hồi sức khỏe 10 ngày: 200.000đồng x 10 ngày = 2.000.000đồng; Thu nhập bị giảm sút 08% sức khỏe: 16.000đồng/ 1 ngày x 30 ngày = 480.000đồng

Tổng cộng bị cáo D phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Văn A mỗi người là 7.314.000đồng.

Bị cáo D đã nộp 15.000.000đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền ngày 10/01/2020 để bồi thường cho anh T, anh L. Số tiền bị cáo D đã nộp nhiều hơn so với số tiền bị cáo D phải bồi thường cho anh T, anh L nhưng tại phiên tòa bị cáo D xác định không yêu cầu nhận lại số tiền còn dư mà tự nguyện bồi thường cho anh L, anh T mỗi người 7.500.000đồng nên ghi nhận.

[3.2] Đối với bị hại **Nguyễn Văn A** yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường các khoản theo đơn yêu cầu ngày 15/01/2020 tổng cộng là 83.078.865đồng. Bị cáo Đ chỉ đồng ý bồi thường cho Nguyễn Văn A theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại An cũng là 08% bằng với anh T, anh L nên buộc bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại An số tiền bằng với số tiền bị cáo D phải bồi thường cho anh T, anh L là 7.314.000đồng là phù hợp.

[3.3] Đối với bị hại **Vũ Văn D** yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường các khoản theo đơn yêu cầu ngày 15/01/2020 tổng cộng là 354.940.000đồng. Đồng thời, bị hại Vũ Văn D xuất trình kèm theo đơn yêu cầu bồi thường là Hợp đồng lao động giữa Vũ Văn D với công ty TNHH Yên Anh, theo đó mức lương trong hợp đồng được thể hiện là 12.000.000đồng/ 1 tháng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị hại D không xuất trình tài liệu này, đến tại phiên tòa ngày 15/01/2020 thì bị hại D mới xuất trình nên Hội đồng xét xử không thể xác định được hợp đồng này có hợp lệ hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể căn cứ vào tài liệu này để tính tiền công cho bị hại D mà căn cứ công lao động trung bình tại địa phương tại thời điểm xảy ra vụ việc là 250.000đồng/ 1 ngày và sau khi trừ chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày còn lại 200.000đồng là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo Đ chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại D theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại D các khoản cụ thể như sau:

Tiền xe cấp cứu và về từ thôn Đ, xã H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng và ngược lại là 1.000.000 đồng; Tiền thuốc theo hóa đơn 9.851.285đồng; Tiền công lao động trong thời gian nằm viện 12 ngày: 200.000đồng/ 1 ngày x 12 ngày = 2.400.000đồng; Tiền công người chăm sóc trong thời gian nằm viện: 200.000đồng/ 1 ngày x 12 ngày = 2.400.000đồng; Tiền bồi dưỡng trong thời gian nằm viện 1.200.000đồng; Tiền công lao động trong thời gian chờ phục hồi sức khỏe 06 tháng: 6.000.000đồng/ 1 tháng x 6 tháng = 36.000.000đồng; Thu

nhập bị giảm sút 52% sức khỏe trong thời gian 24 tháng: 3.120.000đồng/ 1 tháng x 24 tháng = 74.880.000đồng;

Tổng cộng bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại D là 127.731.000đồng (Đã làm tròn số). Bị cáo Đ đã nộp 30.000.000đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền ngày 03/01/2020 và ngày 07/01/2020, vì vậy bị cáo Đ phải bồi thường tiếp cho Vũ Văn D số tiền 97.731.000đồng.

[3.4] Đối với bị hại **Nguyễn Văn Đ** có đơn yêu cầu bị cáo A bồi thường chi phí điều trị thương tích là 37.674.000đồng (bút lục 223), tổn thất tinh thần là 90.250.000đồng, tổng cộng là 127.924.000đồng. Bị cáo A chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại Đ theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, bị cáo A phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đ các khoản cụ thể như sau:

Tiền xe đi từ thôn Đ, xã H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng là 500.000 đồng; Tiền xe từ bệnh viện đa khoa về H, huyện L 100.000đồng; Tiền thuốc theo hóa đơn 1.127.776đồng; Tiền công lao động trong thời gian nằm viện 04 ngày: 200.000đồng/ 1 ngày x 4 ngày = 800.000đồng; Tiền công người chăm sóc trong thời gian nằm viện: 200.000đồng/ 1 ngày x 4 ngày = 800.000đồng; Tiền bồi dưỡng trong thời gian nằm viện 400.000đồng; Tiền công lao động trong thời gian chờ phục hồi sức khỏe (do bị cáo Đ phải bó bột tay nên tính theo thời gian được tháo bột) là 60 ngày: 200.000đồng/ 1 ngày x 60 ngày = 12.000.000đồng; Thu nhập bị giảm sút 10% sức khỏe trong thời gian 60 ngày: 20.000đồng/ 1 ngày x 60 ngày = 1.800.000đồng;

Tổng cộng bị cáo A phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đ là 17.527.000đồng (Đã làm tròn số). Bị cáo A đã nộp 10.000.000đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền ngày 10/01/2020. Vì vậy, bị cáo A phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Đ 7.527.000đồng.

Đối với việc bị hại Nguyễn Văn A, Vũ Văn D yêu cầu bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho mỗi người 44.700.000đồng; bị hại Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo D, An phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho mỗi người 90.250.000đồng thì Hội đồng xét xử xét thấy, để xảy ra sự việc trên đều do các bị cáo, bị hại thể hiện cái tôi của bản thân quá lớn nên trong vụ án này xác định mức độ lỗi của mỗi bị cáo cũng như bị hại với mức độ ngang nhau là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của Nguyễn Văn A, Vũ Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Văn L.

[4] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng được bàn giao sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà gồm: 01 cái kéo dài khoảng 10cm, màu đen, rộng 01cm, đầu nhọn; 01 gậy vòng khô dài 1m, bị gãy làm 02 khúc; 01 gậy vòng dài khoảng 80cm, rộng 03 cm, bị vỡ một nửa thân; 02 chiếc dép tông màu vàng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/3/2020).

Bị cáo Nguyễn Văn A 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/3/2020).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn A, Vũ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Vũ Văn D số tiền 127.731.000đồng. Vũ Văn D được nhận số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền số AA/2010/08271 ngày 03/01/2020 và biên lai thu tiền số AA/2010/08449 ngày 07/01/2020, còn lại buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho Vũ Văn D số tiền 97.731.000đồng (Chín mươi bảy triệu bảy trăm ba một nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ là 17.527.000đồng. Nguyễn Văn Đ được nhận số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Văn A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền số AA/2010/08370 ngày 10/01/2020, còn lại buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải tiếp tục bồi thường cho Nguyễn Văn Đ số tiền 7.527.000đồng (Bảy triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Bị cáo Vũ Văn D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn T4 mỗi người 7.500.000đồng. Anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn T4 mỗi người được nhận số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo Vũ Văn D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai thu tiền số AA/2010/08450 ngày 10/01/2020. Bị cáo Vũ Văn D đã bồi thường xong.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho Nguyễn Văn A số tiền là 7.314.000đồng (Bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo, 02 cây gậy vông và 02 chiếc dép tông màu vàng (Tất cả có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn D và Nguyễn Văn A mỗi bị cáo phải

nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Báo cho các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/3/2020) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- L HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh